Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 86

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ TIỀN PHONG

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường ĐH 33	Giáp xã Đà Bắc	Cuối đất nhà ông Đinh Công Thái xóm Vầy Ang	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
2		Cuối đất nhà ông Đinh Công Thái xóm Vầy Ang	Đất nhà ông Bàn Xuân Thu Xóm Dướng	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
3		Đất nhà ông Bàn Xuân Thu Xóm Dướng	Hết đất nhà ông Bàn Văn Liêu Xóm Dướng	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
4		Hết đất nhà ông Bàn Văn Liêu Xóm Dướng	Đất nhà ông Bàn Văn Hoàn Xóm Thín	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
5		Đất nhà ông Bàn Văn Hoàn Xóm Thín	Đất nhà ông Đặng Văn Hải Xóm Thín	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
6		Hết đất nhà ông Đặng Văn Hải Xóm Thín	Đất nhà ông Đặng Văn Quang xóm Mó Nẻ	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
7		Đất nhà ông Đặng Văn Quang xóm Mó Nẻ	Ngã ba đường xóm Mó Nè đi xóm Săng Bờ	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
8		Ngã ba đường xóm Mó Nè đi xóm Săng Bờ	Đất nhà ông Xa Văn Thức (Xóm Nà Mát)	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
9		Đất nhà ông Xa Văn Thức (Xóm Nà Mát)	Hết đất nhà ông Bùi Văn tính (Khu Đá Bia)	2.000	1.700	1.400	660	560	470	560	480	400
10		Hết đất nhà ông Bùi Văn tính (Khu Đá Bia)	Hết Khu Ngáu	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
11		Ngã ba đường rẽ vào xóm Đức Phong	Ngã ba Cắng	2.000	1.700	1.400	660	560	470	560	480	400
12		Ngã ba Cắng	Nhà ông Quách Công Chí (Xóm Túp)	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
13		Nhà ông Quách Công Chí (Xóm Túp)	Hết đất Nhà ông Xa Văn Quý (Xóm Đoàn Kết)	2.000	1.700	1.400	660	560	470	560	480	400
14	Đường trục xã	Đường nối từ ĐH 33	Hết cụm dân cư Trà (xóm Vầy Ang)	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
15		Đường nối từ ĐH 33	Hết cụm dân cư Bưa Bạ (xóm Vầy Ang)	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
16		Đường nối từ ĐH 33	Hết trung tâm UBND xã Tiền Phong (Xóm Dướng)	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
17	Đường trục xã	Ngã ba Xóm Thín	Hết xóm Tham (giáp bờ sông)	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
18		Đường nối từ ĐH 33	Hết đất nhà ông Đinh Văn Hoàn xóm Phiếu	2.000	1.700	1.400	660	560	470	560	480	400
19		Đường nối từ ĐH 33	Nghĩa địa xóm Đức Phong	2.000	1.700	1.400	660	560	470	560	480	400
20		Đường nối từ ĐH 33	Ngã ba Cắng	2.000	1.700	1.400	660	560	470	560	480	400
21		Nhà ông Đinh Công Thi (xóm Túp)	Hết địa giới xã Tiền Phong cũ	2.000	1.700	1.400	660	560	470	560	480	400
22		Hết địa giới xã Tiền Phong cũ	Hết khu Trạch xóm Sang Bờ	1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
23	Đường nối từ ĐH 33, Qua địa phận xóm Thín đến hết địa phận xóm Lau Bai (giáp bờ sông)			1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
24	Đoạn đường bê tông Nội xóm Cò Xa			1.700	1.400	1.200	560	470	380	470	380	280
25	Tái định cư Lau Bai			1.700			560			470		
26	Khu tái định cư xóm Túp			1.700			560			470		
27	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			250			190			140		